

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **303** /2017/DS-PT
Ngày: 14 - 12 -2017
V/v tranh chấp “Thừa kế quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum.

Ông Lê Thanh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Nguyễn Văn N Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2017/DSST ngày 19/7/2017, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị V, sinh năm 1933 (có mặt);

Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 (có mặt);

Trú tại: phường A, thành phố M, Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 (có mặt);

Nguyễn Thị X, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Văn N: Luật sư Bùi Lê X - Văn phòng luật sư LX thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1942 (vắng mặt);

2. NLQ2, sinh năm 1965 (có mặt).
3. NLQ3, sinh năm 2005 (vắng mặt).
4. NLQ4, sinh năm 2009 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho Tuyên và Dương: Nguyễn Văn N, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. NLQ5, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. NLQ6, sinh năm 1959 (vắng mặt);

7. NLQ7, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: phường B, thành phố M, Tiền Giang

8. NLQ8, sinh năm 1985 (vắng mặt);

9. NLQ9, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn L, vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 1952, không đăng ký kết hôn. Ông, bà có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N.

Trong quá trình chung sống, ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thửa đất 372, thửa 377 và thửa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27/6/1989, chị Nguyễn Thị Th chết do bệnh (chồng của Thu là Nguyễn Văn Út cũng chết vào ngày 23/7/2013 do bệnh); chị Th, anh Út có 02 con là NLQ8 và NLQ9. Ngày 27/02/2011, ông L chết, không để lại di chúc. Thửa 377, diện tích 71m² gia đình bà đã tặng cho ông NLQ1, nay bà không tranh chấp thửa đất này. Hiện nay thửa đất 372 và thửa 1411 do anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng.

Nay, bà yêu cầu chị Nguyễn Thị X, NLQ2 và anh Nguyễn Văn N chia thừa kế đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị là con của ông L và bà V; Cha, mẹ chị có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N. Trong quá trình chung sống, ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thửa đất 372, thửa 377 và thửa 1411, tờ bản đồ số

01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27/6/1989, chị Th chết do bệnh (chồng của Th là Nguyễn Văn U cũng chết vào ngày 23/7/2013 do bệnh); chị Th có 02 con là NLQ8 và NLQ9. Ngày 27/02/2011, ông L chết, không để lại di chúc. Thừa 377, diện tích 71m² gia đình chị đã tặng cho ông NLQ1, nay chị không tranh chấp thừa đất này. Hiện nay thừa đất 372 và thừa 1411 do anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị X, NLQ2 và anh Nguyễn Văn N chia thừa kế đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh là con của ông L và bà V. Cha, mẹ anh có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N.

Trong quá trình chung sống, ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thừa đất 372, thừa 377 và thừa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 27/6/1989, chị Th chết do bệnh (chồng của Th là Nguyễn Văn U cũng chết vào ngày 23/7/2013 do bệnh); chị Th có 02 con là NLQ8 và NLQ9. Ngày 27/02/2011, ông L chết, không để lại di chúc. Thừa 377, diện tích 71m² gia đình đã tặng cho ông NLQ1, anh không tranh chấp thừa đất này. Hiện nay thừa đất 372 và thừa 1411 do anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng. Nay anh yêu cầu chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn N chia thừa kế đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị là con của ông L và bà V. Cha, mẹ chị có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N. Trong quá trình chung sống, ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thừa đất 372, thừa 377 và thừa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi còn sống, ông L có nêu ý kiến: “Sau khi ông chết sẽ chia cho các con Nguyễn Thị X, NLQ2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Th được nhận 1.000m² đất lúa, riêng Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn N còn được nhận thêm diện tích lúa còn lại là 1.966m² và 120m² đất thổ cư; 1.419 m² + 71m² đất vườn. Ngoài ra còn căn nhà bán kiên cố, một số công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi nằm trên diện tích 120m² đất thổ cư là do Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn N tạo lập, đây là tài sản riêng của 02 con nên ông không ý kiến gì, các con còn lại cũng không có quyền tranh chấp” nên ngày 05/11/2010, chị nhờ chị Phạm Thu T đánh máy thành bản di chúc và nhờ ông NLQ1, ông Nguyễn Văn T ký tên chứng kiến. Ngày 27/02/2011, ông L chết, tuy nhiên bản chính của di chúc này không còn, di chúc này các đồng thừa kế không thừa nhận, xem như ông L chết không để lại di

chúc. Hiện nay chị và anh Nguyễn Văn N quản lý diện tích đất này và không đồng ý chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh là con của ông L và bà V. Cha, mẹ anh có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N. Ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thửa đất 372, thửa 377 và thửa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 27/02/2011, ông L chết không để lại di chúc. Hiện nay, anh và chị Nguyễn Thị X đang quản lý diện tích đất này và không đồng ý chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ2 trình bày:

Anh là con của ông L và bà V. Cha, mẹ anh có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N. Ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thửa đất 372, thửa 377 và thửa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 27/02/2011, ông L chết không để lại di chúc. Hiện nay, chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn N đang quản lý diện tích đất này, anh cũng như anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị X không đồng ý chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị NLQ5 trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn N, là con dâu của ông L và bà V. Hiện nay, chị cùng anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị X đang quản lý diện tích đất này, việc tranh chấp thừa kế này chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị NLQ9 và anh NLQ8 cùng trình bày: Anh, chị là con của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn U. Bà Th chết năm 1989, ông U chết năm 2013. Nay anh, chị có nghề nghiệp, cuộc sống ổn định nên yêu cầu không thừa hưởng phần di sản do ông L chết để lại.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày: Ông là anh em bạn dì với ông L, ông L không có cho tôi phần đất nào cả, các bên đều có đất sử dụng ổn định từ khi ông L còn sống cho đến nay. Ông cũng không tranh chấp phần đất mà phía gia đình ông L cho rằng đã cho tặng ông 71m².

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị NLQ6 trình bày: Chị là con của bà V; ông L là cha dượng của chị, chị không tranh chấp di sản ông L chết để lại.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn NLQ7 trình bày: Anh là chồng của chị NLQ6, là con rể của bà V, ông L. Ngày 20/5/2014, anh Nguyễn Văn N có cầm cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang để vay số tiền 500.000.000 đồng, khi nào có tiền sẽ trả lại. Hiện anh

đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, anh đồng ý giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này theo bản án của Tòa án.

- Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2017/DSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào Điều 609, 613, 620, 623, 649, 651, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn Th.

- Chia cho bà Trần Thị V diện tích 3.850,5m² đất lúa, thửa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí, kích thước phần đất (phần số 3) như sau:

+ Đông: giáp Nguyễn Văn Triệu 32.76m, giáp Nguyễn Văn Tám, dài 24.94m;

+ Tây: giáp Kênh 5.59m + 5.0m và giáp đất còn lại của thửa 1411, dài 44.89m;

+ Nam: giáp đất chia thừa kế cho Nguyễn Văn Th dài 97.86m;

+ Bắc: giáp đất chia thừa kế cho Nguyễn Thị N, dài 99.52m;

- Chia cho chị Nguyễn Thị N diện tích 550,4m² đất lúa, thửa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí, kích thước phần đất (phần số 1) như sau:

+ Đông: giáp Nguyễn Văn Tám, dài 4.92m;

+ Tây: giáp Kênh 4.90m;

+ Nam: giáp đất chia thừa kế cho Trần Thị V, dài 99.52m;

+ Bắc: giáp đất Nguyễn Văn Tám, dài 99.67m;

- Chia cho anh Nguyễn Văn Th diện tích 550,4m² đất lúa, thửa 1411, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí, kích thước phần đất (phần số 4) như sau:

+ Đông: giáp Nguyễn Văn Triệu, dài 5.48m;

+ Tây: giáp Kênh 5.48m;

+ Nam: giáp Nguyễn Văn Thuận 65.56m và giáp Ngô Văn Hồng, dài 32.05m;

+ Bắc: giáp đất chia cho Trần Thị V, dài 97.86m;

- Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị X, anh NLQ2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại bà Trần Thị V giá trị diện tích đất được thừa kế ở thửa 372 với số tiền 49.755.600 đồng (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng), hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N giá trị diện tích đất được thừa kế ở thửa 372 với số tiền 7.107.600 đồng (Bảy triệu một trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm đồng), giao một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

- Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Văn NLQ2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại bà Trần Thị V giá trị diện tích đất chênh lệch 0,4 m² được thừa kế ở thửa 1411 với số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), giao một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Đến hạn trả tiền, nếu anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị X, NLQ2 chậm trả số tiền nêu trên cho bà V, anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị N thì phải trả tiền lãi theo lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng về thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 1.021,1m², trong đó đất ở nông thôn 90m² và 931,1m² đất trồng cây lâu năm thửa 372, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí, kích thước phần đất như sau:

- + Đông: giáp đất Ngô Thị Liễu dài 35.33m, giáp NLQ1 dài 11.45m;
- + Tây: giáp đất còn lại thửa 372 dài 44.14m;
- + Nam: giáp đất Dương Văn Oai, dài 24.55m;
- + Bắc: giáp Nguyễn Văn Cung, dài 17.58m.

- Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị X, anh NLQ2, chị NLQ5, NLQ4, NLQ3 (*người đại diện theo pháp luật Nguyễn Văn N*) có nghĩa vụ giao cho bà Trần Thị V, anh Nguyễn Văn Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị N diện tích đất được thừa kế ở thửa 1411 như nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị X và anh NLQ2 quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại của thửa 372, diện tích 340,5m² và thửa 1411, diện tích 1.650,3m² (phần đất số 2) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh NLQ7 có nghĩa vụ lại giao lại một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn L đứng tên ngày 02/10/1996, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tất cả vị trí, kích thước của các phần đất có sơ đồ vị trí khu đất kèm theo.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn toàn bộ án phí cho bà Trần Thị V. Hoàn lại bà V số tiền 8.890.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự nộp theo biên lai số 33127 ngày 03/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Anh Nguyễn Văn Th phải chịu số tiền 7.235.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 33532 ngày 07/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh Thuyết còn phải nộp 3.235.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 7.235.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 33128 ngày 03/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị Nguyễn Thị N còn phải nộp thêm 4.435.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01 tháng 8 năm 2017, bị đơn Nguyễn Văn N không đồng ý chia thừa kế theo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu chia lại quyền sử dụng đất.

- Ngày 20 tháng 11 năm 2017, bị đơn Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo bổ sung trình bày:

+ Án sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận hồ sơ phản tố của bị đơn là vi phạm quyền bình đẳng giữa các đương sự và không phù hợp với quy định về phản tố như quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật vụ kiện “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”. Nhưng không xác định di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L có tổng diện tích là bao nhiêu mét vuông? Chia cho bao nhiêu kỷ phần, mỗi kỷ phần phần được hưởng là bao nhiêu? Án phí phải chịu khi được hưởng di sản thừa kế là bao nhiêu? Án sơ thẩm chỉ chia thừa kế cho bà V, chị Núi, anh Thuyết và chịu án phí theo quy định, còn 4 người con khác chưa được chia di sản và cũng chưa phải chịu án phí chia di sản. Như vậy án sơ thẩm chỉ giải quyết 01 phần vụ án “tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” là thiếu sót nghiêm trọng.

Tài sản chung của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị V còn có ngôi nhà số phường A, thành phố M; ½ giá trị căn nhà này là di sản thừa kế của ông L. Nhưng Tòa sơ thẩm đã không thụ lý hồ sơ phản tố, không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố là vi phạm tố tụng.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có nhiều lập luận cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn đối với giá trị căn nhà phường A, thành phố M, Tiên Giang là vi phạm quyền bình đẳng giữa các đương sự trong tranh chấp thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiên Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đầy đủ về trình tự thủ tục tố tụng trong giai đoạn thụ lý xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá xem xét hết những yêu cầu của các đương sự về tài sản chung của vợ chồng ông L, bà V khi giải quyết tranh chấp thừa kế, đề giải quyết trong cùng một vụ án, trong đó có căn nhà tại phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử chưa thực hiện đúng quy định về việc nghị án, biểu quyết từng nội dung. Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Bà V là vợ ông Nguyễn Văn L. Vợ chồng ông L, bà V chung sống với nhau từ năm 1952, không đăng ký kết hôn. Ông, bà có 06 người con gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, NLQ2, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn N.

Trong quá trình chung sống, ông L được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.576m² thửa đất 372, thửa 377 và thửa 1411, tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992 ngày 02/10/1996 do ông Nguyễn Văn L đứng tên, tọa lạc: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện nay đất này do anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị X - con ông L, bà V đang quản lý sử dụng. Ngoài ra ông L, bà V còn được mua 01 căn nhà do Nhà nước bán hóa giá tại số phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng mua bán nhà số 392 ngày 15/10/1987. Bà V đã được UBND tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào ngày 26/7/2004. Ngày 27/02/2011, ông L chết. Ngày 21/02/2013 bà V lập hợp đồng tặng cho nhà đất này cho anh Nguyễn Văn Th.

[3] Tại nội dung đơn xin xác nhận của Nguyễn Văn N (Bút lục 62) có thể hiện việc bà V đã tặng cho căn nhà số phường A, Tp. Mỹ Tho cho anh Nguyễn Văn Th; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nội dung này. Biên bản hòa giải ngày 18/4/2017 (Bút lục 182) thể hiện anh Nguyễn Văn N và NLQ2 yêu cầu giải quyết tài sản là ngôi nhà và đất số phường A, Tp Mỹ Tho, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá yêu cầu phản tố của đương sự để đưa vào giải quyết trong vụ án một cách triệt để toàn diện, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét làm rõ căn nhà trên thuộc

quyền sở hữu của ai, là tài sản riêng hay tài sản chung của vợ chồng ông L, bà V, có phải là di sản thừa kế hay không? Từ đâu mà có, có thời gian nào ?

- Việc tặng cho tài sản giữa bà V và anh Thuyết như thế nào, để xác định và trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của đương sự trong vụ án khi quyết định chia di sản trong vụ án.

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra xác minh tài sản của ông L, bà V ở giai đoạn sơ thẩm để xét xử quyết định toàn diện vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các đương sự.

[4] Vi phạm tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm nêu trên, Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung. Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét về nội dung yêu cầu kháng cáo, kháng cáo bổ sung của anh Nguyễn Văn N.

[5] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn Nguyễn Văn N về việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm có những nội dung có căn cứ đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy bản án sơ thẩm số: 87/2017/DSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C về việc tranh chấp “Thừa kế quyền sử dụng đất” giữa:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị V, sinh năm 1933;

Nguyễn Thị N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: phường A, thành phố M, Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn N, sinh năm 1961;

Nguyễn Thị X, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bị đơn Nguyễn Văn N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số: 35549 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2017-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp